

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

TỪ NGỮ XUNG GỌI TRONG TIẾNG VĨNH THỊNH, VĨNH LỘC, THANH HOÁ

LÊ THỊ LÂM

(Cao học Ngôn ngữ K16, ĐHSP Thái Nguyên)

1. Từ ngữ xưng gọi trong tiếng Việt được nghiên cứu từ nhiều góc độ với nhiều mức độ khác nhau. Có thể kể đến một số công trình của các tác giả: Bùi Khánh Thế, Bùi Minh Yến, Đỗ Kim Liên, Lê Thanh Kim, Phạm Quang, Nguyễn Văn Chiến, Nguyễn Thị Hương. Từ ngữ xưng gọi của tiếng Việt nhận được sự chú ý của các nhà ngôn ngữ học như thế, là bởi tính đa dạng, tính linh hoạt và giàu màu sắc biểu cảm.

Là một thổ ngữ thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, nhưng tiếng Vĩnh Thịnh có những đặc điểm riêng, khác biệt với tiếng các xã trong huyện và toàn tỉnh Thanh Hoá. Tiếng nói Vĩnh Thịnh líu lo như chim hót, đầy sắc thái gọi cảm, dễ thu hút hồn người. Một điều đặc biệt dường như chỉ thấy ở riêng Vĩnh Thịnh đó là người dân xa quê đã lâu, chỉ cần gặp một người cùng quê mình là họ giao tiếp ngay bằng giọng địa phương mình, làm cho những người xung quanh ngỡ ngàng, ngạc nhiên. Những đặc điểm khác biệt này góp phần làm nên những đặc trưng riêng biệt của vùng đất địa linh nhân kiệt. Từ ngữ xưng gọi trong tiếng Vĩnh Thịnh cũng là nơi lưu giữ những dấu vết mang đặc trưng văn hoá xã hội như vậy. Tìm hiểu thổ ngữ của một vùng đất tuy chiếm diện tích nhỏ nhưng giàu giá trị văn hoá này sẽ góp phần khẳng định tính đa dạng phong phú của cách xưng gọi tiếng Việt.

2. Tiếng Việt sử dụng đa dạng các từ ngữ xưng gọi. Từ những góc độ khác nhau các từ ngữ này có thể được chia thành nhiều loại khác nhau. Dựa vào chức năng người ta có thể chia các từ ngữ xưng gọi trong

tiếng Việt thành hai loại: từ ngữ xưng gọi lâm thời và xưng gọi thực thụ.

Từ ngữ xưng gọi thực thụ bao gồm các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất (*tôi, chúng tôi, tớ, chúng tớ, tao, chúng tao*), đại từ nhân xưng ngôi thứ hai (*bạn, cậu, bọn cậu, mày, bọn mày*), đại từ nhân xưng ngôi thứ ba (*nó, chúng nó, hắn, y,...*). Tiếng Vĩnh Thịnh có sử dụng tất cả các đại từ nhân xưng đó và có biến âm như cách nói của người Thanh Hoá nói chung như: *tau, bọn tau, bọn choa, mi, bọn mi, hắn, bọn hắn*.

Từ ngữ xưng gọi lâm thời cũng bao gồm nhiều tiểu loại: các từ ngữ chỉ quan hệ thân tộc (*cụ, ông, bà, bác, chú, dì, cô, cháu, em*), chỉ định (*đây, đó, ấy, đằng ấy*), chức danh nghề nghiệp (*bộ trưởng, thứ trưởng, hiệu trưởng, giáo sư, bác sĩ, nhà thơ*), tên riêng người (*Hoa, Lan, Hồng, Thắm*). Các từ ngữ xưng gọi lâm thời góp phần tăng thêm số lượng cũng như các sắc thái biểu cảm của hệ thống từ ngữ xưng gọi. Các từ ngữ xưng gọi lâm thời cùng với các từ xưng gọi thực thụ làm thành cặp song hành với những nét đồng nghĩa tạo nên những phạm vi phân bố khác nhau trong sử dụng. Qua các từ ngữ chúng ta biết được tư tưởng, thái độ, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tuổi tác... của những người tham gia vào hoạt động giao tiếp.

Từ ngữ xưng gọi trong tiếng Việt còn phong phú đa dạng ở các biến thể của nó. Mỗi biến thể địa phương sẽ thể hiện đặc trưng xã hội của vùng miền đó.

Có thể khẳng định có giao tiếp là có xưng gọi. Trong các hoàn cảnh khác nhau,

quan hệ khác nhau, từ ngữ xưng gọi được lựa chọn khác nhau. Trong phạm vi bài viết nhỏ này người viết không khảo sát những từ chỉ chức danh nghề nghiệp, tên riêng của người, các từ ngữ chỉ quan hệ tổ chức đã được dùng trong xưng gọi. Bởi những từ này mang tính thống nhất cao giữa các vùng của người Việt. Người viết chỉ nêu lên những khác biệt trong xưng gọi giữa thổ ngữ Vĩnh Thịnh và ngôn ngữ toàn dân xét trong hai quan hệ: quan hệ thân tộc và quan hệ ngoài xã hội.

a/ Xưng gọi trong quan hệ thân tộc

Theo đúng nghĩa thân tộc (có quan hệ huyết thống), từ ngữ xưng gọi được dùng trong phạm vi này thể hiện mối quan hệ gần gũi, gần gũi. Cách xưng gọi theo quan hệ huyết thống thường chặt chẽ, nghiêm ngặt, có quy định theo một tôn ti nhất định “cứ vai mà gọi”. Tuy nhiên cách xưng gọi trong phạm vi này vẫn uyển chuyển, tế nhị nhờ sự tham gia của kết hợp nhiều yếu tố như tuổi, giới tính, vị thế xã hội

Các từ ngữ được sử dụng trong xưng gọi theo quan hệ thân tộc chiếm tỉ lệ rất nhiều so với các tiểu loại khác. Trong hệ thống này mỗi từ ngữ là một yếu tố của hệ thống. Các yếu tố càng nhiều thì hệ thống càng phong phú, đa dạng. Trong các phương ngữ tiếng Việt đều có sự thống nhất về số lượng và nội dung các phạm trù quan hệ thân tộc. Các phạm trù quan hệ thân tộc chính trong tiếng Việt gồm:

- Quan hệ máu mủ: có / không có quan hệ
- Thế hệ: A: cùng sinh với Ego(tôi)
B: sinh trước Ego
C: sinh sau Ego.
- Giới tính: nam/ nữ
- Mức độ quan hệ: trực tiếp/ không trực tiếp
- Bậc quan hệ: bậc trên/ bậc dưới
- Trình tự quan hệ: trình tự thẳng/ trình tự gãy
- Quan hệ theo dòng: nội/ ngoại

Những phạm trù thân tộc ấy đều có ở các địa phương. Tuy nhiên ở mỗi địa phương khác nhau, những từ xưng gọi này

sẽ có những biến thể khác nhau trong cấu tạo ngữ âm cũng như từ vựng.

Một số đặc điểm chính của các từ ngữ thuộc loại này ở Vĩnh Thịnh như sau:

Về ngữ âm:

Ngoài những đặc điểm chung về ngữ âm giống với ngôn ngữ toàn dân, tiếng Vĩnh Thịnh còn có những đặc điểm của tiếng Thanh Hoá. Đó là việc lưu giữ nhiều dấu vết cổ của tiếng Việt. Do vậy một số từ xưng gọi có âm phát âm khác với ngôn ngữ toàn dân: *nooi* – *nội*, *rây* – *dì*. Có những từ ngữ có quan hệ ngữ âm với từ toàn dân như: *mệ* – *mẹ*, *chị* – *chậy*. Có những từ không có quan hệ ngữ âm với từ toàn dân như *thầy* – *bố*, *o* – *cô*.

Về mặt từ vựng:

Tiếng Vĩnh Thịnh có nhiều đơn vị trùng với từ toàn dân: *bác*, *chú*, *cậu*, *mợ*, *thím*, *anh*...

Có nhiều đơn vị xưng gọi mang đặc trưng Thanh Hoá: *thầy* – *bố*, *chậy* – *chị*, *cô* – *o*...

Có những đơn vị không giống với từ toàn dân cũng không giống với tiếng Thanh Hoá mà tạo thành các cặp song song đồng nghĩa giữa tiếng Vĩnh Thịnh và từ ngữ toàn dân: *rây* – *dì*, *chú* – *dượng*, *út* (gọi chung cho con thứ trong nhà), *út rớt* (con út), *o* – *cô*.

Ngoài những đặc điểm chung, cách xưng gọi trong quan hệ thân tộc của người Vĩnh Thịnh có những đặc điểm khác về từ ngữ so với xưng hô trong ngôn ngữ toàn dân.

Trong gia đình người Vĩnh Thịnh, cách xưng gọi theo tên riêng thường ít khi xảy ra. Người Vĩnh Thịnh thường gọi con cái trong nhà trừ con cả là út: *thầy* / *mệ* – *út*, *cô* / *cậu* / *chú* / *bác* – *út*, *anh* / *chị* – *út*. Cách gọi con cái trong gia đình đặc biệt như thế này chúng ta chưa từng gặp ở đâu. Ngoài con trưởng, người Vĩnh Thịnh gọi con thứ và con út trong gia đình là *út* và để phân biệt người con sau cùng thì gọi người con đó bằng *út rớt*. Cách gọi *út* này mang hơi hướng của vùng phương ngữ Nam. Nhưng phương ngữ Nam chỉ gọi một người trong gia đình là *út*. Người Vĩnh Thịnh

không phân biệt như đã nói ở trên: Dù là trai hay là gái, là con thứ hay con út đều gọi chung là *út*. Hai bên nội ngoại thay cho cách xưng gọi cháu – chất là cách gọi *út*. Ta sẽ gặp phổ biến các vai khác nhau nhưng có cùng một kiểu xưng gọi: *ông/ bà - út, thầy/ mệ - út, cô/ cậu/ chú/ bác - út, anh/ chị - út...* Cách gọi này không phân biệt triệt để các vai con / cháu / chất. Hay nói khác đi, cách xưng gọi này không biểu thị được các vai, không phân biệt triệt để các vai như trong cách xưng gọi toàn dân. Để bù lại, cách xưng gọi của người Vĩnh Thịnh có ưu điểm là tạo mối quan hệ mật thiết, gần gũi. Như vậy cách xưng gọi của người Vĩnh Thịnh không phải để thể hiện các vai, vị thế, tôn ti, mà chủ yếu để tạo không khí đầm ấm, thể hiện tình cảm gần gũi không phân biệt con hay cháu hoặc chất. Cách xưng gọi này trở thành một thói quen giao tiếp, ứng xử của người Vĩnh Thịnh.

Xưng gọi trong gia đình người Vĩnh Thịnh còn đặc biệt ở chỗ dùng yếu tố mang nét nghĩa giới tính. Điều này thể hiện ở việc dùng các yếu tố *cu, hĩm, té, tiêu* trong giao tiếp thường ngày. Con, cháu trong nhà được ông, bà, bố, mẹ, cô, dì, chú, bác gọi một cách thân mật là *cu* (nếu là con trai), *té, tiêu, hĩm* (nếu là con gái). Theo đó vợ chồng có thể gọi nhau vừa suồng sã vừa yêu thương, triu mến là *thầy cu, mệ cu, thầy hĩm, mệ hĩm, thầy té, mệ té, thầy tiêu, mệ tiêu...*

Trong tiếng Vĩnh Thịnh, xưng gọi phân biệt thứ bậc không triệt để như xứ Bắc, nhưng sự phân biệt theo huyết thống nội / ngoại lại được nhấn mạnh. Tiếng Vĩnh Thịnh hầu như chỉ chú ý phân biệt theo giới tính và quan hệ hàng.

Nếu như ngôn ngữ toàn dân phân biệt rõ anh trai của mẹ là *bác*, em trai của mẹ là *cậu* thì tiếng Vĩnh Thịnh gọi chung là *cậu* không phân biệt thứ bậc trên dưới (anh em).

Nếu ngôn ngữ toàn dân phân biệt rõ chị và em gái của mẹ là *bác* và *dì* thì tiếng Vĩnh Thịnh gọi chung là *rầy*.

Chị và em gái của bố, từ toàn dân gọi là *bác* và *cô* thì tiếng Vĩnh Thịnh gọi chung là *o*.

Anh trai và em trai của bố, từ toàn dân gọi là *bác* và *chú* thì tiếng Vĩnh Thịnh gọi chung là *chú*.

Tất cả các từ *cậu, rầy, o, chú* đều là những từ được sử dụng để xưng gọi. Theo đó, bên nội có:

Chú: Từ để gọi anh trai hoặc em trai của bố, xưng với con của em trai hoặc anh trai mình.

O: Từ để gọi chị gái hoặc em gái của bố, xưng với con của em trai hoặc anh trai mình.

Bên ngoại có:

Cậu: Từ để gọi anh trai hoặc em trai của mẹ, xưng với con của chị gái hoặc em gái mình.

Rầy: Từ để gọi chị gái hoặc em gái của mẹ, xưng với con chị gái hoặc em gái mình....

Như vậy, nếu không gắn với một hoàn cảnh giao tiếp nhất định để biết được đối tượng giao tiếp thì tên gọi *cậu, rầy, chú, o..* trong tiếng Vĩnh Thịnh chỉ gọi nên nét nghĩa giới tính, nét nghĩa nội / ngoại còn nét nghĩa sinh trước / sinh sau không được biểu thị. Điều này khác hẳn so với xưng gọi toàn dân. Trong xưng hô toàn dân yếu tố thứ bậc hiện lên rất rõ. *Bác* là từ xưng gọi chỉ chung cho những người sinh trước bố hoặc mẹ. Thế nhưng, đối với những người cùng huyết thống sinh trước bố mẹ này yếu tố giới tính không thể biết được. Việc phân biệt giới tính chỉ đặt ra với những người sinh sau bố (*chú/ cô*), sinh sau mẹ (*cậu/ dì*). Tiếng Vĩnh Thịnh không chú ý phân biệt thứ bậc mà chỉ có nét nghĩa giới tính và quan hệ huyết tộc mà thôi.

Sự phân biệt trong xưng gọi của tiếng Vĩnh Thịnh không rõ ràng đối với những người cùng huyết thống, nhưng đối với những người kết hôn với những người

trong nhà mình thì sự phân biệt thứ bậc là rất rõ ràng và giống từ toàn dân:

Người lấy anh trai của bố được gọi là *bác: chú - bác*.

Người lấy em trai của bố được gọi là *thím: chú - thím*.

Người lấy chị gái của bố được gọi là *bác: bác- o*.

Người lấy em gái của bố được gọi là *chú: o - chú*.

Người lấy anh trai của mẹ được gọi là *bác: cậu - bác*.

Người lấy em trai của mẹ được gọi là *mợ: cậu- mợ*.

Người lấy chị gái của mẹ được gọi là *bác: rầy - bác*.

Người lấy em gái của mẹ được gọi là *chú: rầy - chú...*

Từ những điều đã phân tích ở trên, ta có thể khái quát sơ đồ xưng gọi theo quan hệ thân tộc của người Vĩnh Thịnh như sau:

ông/bà nội - ông/bà - ngoại

Chú – bác thầy chú - thím

O – bác

o – chú

Anh tran/ chạy cầy

út

cậu – bác mệ

cậu – mợ

rầy – bác

chú – rầy

tran/ út cầy

/út rớt

E
go

b/ Xưng gọi ngoài xã hội

Không bị lệ thuộc vào quan hệ huyết thống, các từ ngữ xưng gọi theo quan hệ xã hội linh hoạt hơn, có thể vận dụng tất cả các từ ngữ xưng gọi mà không bị câu thúc bởi vai vế như xưng gọi theo quan hệ thân tộc. Xưng gọi trong phạm vi này thường thể hiện rõ tình cảm của những người tham gia giao tiếp, tạo ra sự gần gũi thân mật đồng thời thể hiện tính cách của người Việt qua quy tắc “xưng khiêm hô tôn”. Trong thổ ngữ này, cách dùng từ xưng gọi ngoài xã hội nhìn chung là giống với đặc điểm chung của tiếng Việt. Đặc điểm đó thể hiện ở việc thổ ngữ này dùng các từ chỉ quan hệ thân tộc để xưng gọi trong giao tiếp theo các quy tắc xã hội.

Cách xưng gọi anh chị em ruột trong nhà của người Vĩnh Thịnh cũng đã quy chiếu cách xưng hô ngoài xã hội. Từ cách gọi em trong gia đình là *út*, người Vĩnh Thịnh gọi những người ít tuổi hơn mình một cách tình cảm là *út* không cần biết đến đó là người con thứ mấy trong gia đình cũng không cần biết là trai hay gái. Song song với cách gọi *út* người Vĩnh Thịnh còn có cách gọi đặc biệt để phân biệt giới tính. Nếu là con trai thì gọi là *cu*, nếu là con gái thì gọi là *hĩm, té, tiêu*. Trong giao tiếp mọi

người có thể gọi người trong xã mình ít tuổi hơn mình là *cu ơi, té ơi, tiêu ơi, hĩm ơi...* mà không sợ bị phạt lòng và người nghe cũng không phản đối. Các từ ngữ xưng gọi *té, tiêu, hĩm, cu* là những từ cổ mộc mạc, giản dị và bình dân. Cách xưng gọi mộc mạc này cũng dùng ghép để gọi những người làm cha làm mẹ. Nếu có con trai thì có thể gọi là *thầy cu, mệ cu*. Nếu có con gái thì có thể gọi phong phong phú hơn: *bố hĩm, mệ hĩm, bố té, mệ té, bố tiêu, mệ tiêu...*

Cách xưng gọi ngoài xã hội trong tiếng Vĩnh Thịnh dù có những đặc điểm chung của tiếng Việt, nhưng mức độ và tần số sử dụng các từ ngữ xưng gọi trong tiếng Vĩnh Thịnh so với từ toàn dân lại không giống nhau. Điều đó có nghĩa là không phải tất cả các từ xưng gọi trong quan hệ thân tộc đều được “trút” ra ngoài xưng gọi xã hội. Trong xưng gọi ngoài xã hội của người Vĩnh Thịnh chỉ thấy xuất hiện cách xưng gọi *bác, chú, rầy, o* còn *cậu, mợ, thím* hầu như không có. Tuy *bác, chú, rầy, o* cùng tham gia vào hoạt động giao tiếp, nhưng phạm vi sử dụng cũng khác nhau.

Chú trong quan hệ thân tộc chỉ anh trai hoặc em trai của bố thì ngoài xã hội chỉ dùng để gọi người đàn ông ít tuổi hơn bố mình.

O trong quan hệ thân tộc dùng để chỉ chị hoặc em gái của bố thì ngoài xã hội dùng để gọi người phụ nữ ít tuổi hơn bố mình.

Rầy trong quan hệ thân tộc dùng để chỉ chị hoặc em gái của mẹ thì ngoài xã hội dùng để gọi người phụ nữ ít tuổi hơn mẹ mình.

Bác ngoài xã hội dùng để gọi người hơn tuổi bố hoặc hơn tuổi mẹ không phân biệt giới tính...

Cũng như tiếng Thanh Hoá nói chung, tiếng Vĩnh Thịnh cũng có những đặc điểm mang đặc trưng của vùng phương ngữ được coi là vùng chuyển tiếp giữa phương ngữ Bắc Bộ và phương ngữ Bắc Trung Bộ này. Đó là việc sử dụng đa dạng các từ xưng gọi: *tau, mi, bọn tau, bọn mi, bọn choa, bây, bọn bây, tui bây, bọn hần* (bọn hần), *bọn nử, quân nử, bọn ni, quân bay, mình, bọn mình*. Nét riêng độc đáo của thổ ngữ Vĩnh Thịnh là dùng từ *nầy ta* để chỉ cách gọi bao hàm cả người nói và người nghe (tương tự từ *bọn mình* trong tiếng phổ thông). Nếu các xã bên cạnh biến âm *mình* thành *mênh* như *muôn rồi bọn mênh viên thôi*, thì người Vĩnh Thịnh dùng *nầy ta: muôn rồi, nầy ta viên thôi*. Thêm một nét khác biệt đặc sắc nữa có thể nhận thấy trong cách xưng gọi ở vùng thổ ngữ này đó là sử dụng từ *mình*. Nếu như ngôn ngữ toàn dân sử dụng *mình* để gọi chồng hoặc vợ một cách yêu thương trìu mến thì trong thổ ngữ Vĩnh Thịnh phạm vi sử dụng của từ này được mở rộng. *Mình* trong thổ ngữ Vĩnh Thịnh dùng để gọi những người thân bên mình không cần phải là vợ chồng. Đó có thể là anh em trong nhà cũng có thể là cô, rầy, chú, bác thậm chí cả người bạn thân. Chúng ta sẽ gặp rất nhiều cách nói dạng này như: *Lan nhà tau* (*Lan bạn tau*), *mình nói gì, người ta không hiểu* (*bạn nói gì, tớ không hiểu*), *đội mình một chút nhé!* (*đội tớ một chút nhé*)...

3. Qua khảo sát bước đầu, có thể thấy từ ngữ xưng gọi trong thổ ngữ Vĩnh Thịnh rất phong phú. Ngoài những từ toàn dân có từ xưng gọi của tiếng Thanh Hoá (*thầy, mẹ, choa*). Lại có những từ cổ còn lưu lại (*cu, hăm, té, tiêu*). Và có cả những từ chỉ tìm thấy

ở riêng vùng đất này (*út, nầy ta*)... Cách xưng gọi của người Vĩnh Thịnh vừa mang tính nghi thức gia đình, dòng tộc lại vừa mộc mạc bình dân ở ngoài xã hội. Thêm vào đó, cách xưng gọi ở người Vĩnh Thịnh không chú ý đến vai, thứ bậc mà chỉ chú ý đến yếu tố giới tính và nội ngoại. Phải chăng đây là một trong những dấu vết của văn hoá người Mường còn sót lại như nhận định về nguồn gốc người Vĩnh Thịnh của một số nhà nghiên cứu.

Từ ngữ xưng gọi trong tiếng Vĩnh Thịnh góp phần làm giàu thêm cách xưng gọi nói riêng và số lượng từ nói chung của tiếng Việt. Chúng cũng góp phần khẳng định những nét đặc trưng của vùng đất giàu giá trị văn hoá Vĩnh Thịnh, Vĩnh Lộc của một xứ Thanh mộc mạc chân chất mà rất giàu huyền thoại.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Nhã Bản – Lê Đình Tường (1998), *Ngữ nghĩa một số từ của phương ngữ Nghệ Tĩnh*, Ngôn ngữ & Đời sống, số 4.
2. Nguyễn Tài Cẩn (1975), *Danh từ chỉ quan hệ thân thuộc*, Từ loại trong tiếng Việt hiện đại, NXB KHXH, Hà Nội.
3. Hoàng Thị Châu (2004), *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Thiện Giáp (1981), *Từ địa phương và vấn đề chuẩn hoá ngôn ngữ trong nhà trường*, Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Phạm Văn Hào (chủ nhiệm) (2008), *Việc sử dụng từ ngữ địa phương trên sách báo*, Viện KHXH Việt Nam, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
6. Nguyễn Quang Hồng (1981), *Các lớp từ địa phương và chức năng của chúng trong ngôn ngữ văn hoá tiếng Việt*, Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Lê Thanh Kim (2002), *Từ xưng hô và cách xưng hô trong các phương ngữ tiếng Việt*, *Luận án tiến sĩ ngữ văn*, Viện Ngôn ngữ học, H□ Nội.
8. Lê Văn Trường, Nguyễn Văn Lợi (2009), *Hệ thống thanh điệu Vĩnh Thịnh (Vĩnh Lộc, Thanh Hoá)*, Ngữ học trẻ 2009, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 25-05-2010)